



TỐI ƯU HÓA CHUỖI DỊCH VỤ LOGISTICS PHỤC VỤ MẶT HÀNG CÁ DA TRƠN XUẤT KHẨU TẠI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

ĐẶNG THỊ HOA

Khoa Thương Mại Quốc Tế, Trường Cao Đẳng Kinh Tế Đối Ngoại

NGUYỄN MINH ĐỨC

Khoa Kinh Tế, Trường Đại Học Hàng Hải Việt Nam

Email: ducnguyen@vimaru.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu này khám phá sự cần thiết của việc tối ưu hóa chuỗi dịch vụ logistics cho ngành cá da trơn xuất khẩu tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), một lĩnh vực kinh tế trọng điểm của Việt Nam. Bối cảnh toàn cầu hóa và yêu cầu thị trường ngày càng cao đặt ra thách thức lớn về hiệu quả logistics. Khoảng trống nghiên cứu hiện tại nằm ở việc thiếu một phân tích tích hợp, toàn diện về thực trạng và một khung giải pháp chiến lược đồng bộ cho chuỗi giá trị logistics cá da trơn trong khu vực. Mục tiêu chính là phân tích các yếu tố ảnh hưởng, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển chuỗi logistics hiệu quả. Kết quả chỉ ra sự thiếu đồng bộ về hạ tầng, công nghệ và liên kết chuỗi, dẫn đến chi phí cao và giảm sức cạnh tranh. Các giải pháp đề xuất tập trung vào đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ, tăng cường hợp tác và hoàn thiện chính sách, nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững.

Từ khóa: Logistics, Chuỗi cung ứng, Cá da trơn xuất khẩu, Đồng bằng sông Cửu Long, Tối ưu hóa, Hiệu quả logistics, Phát triển bền vững

ABSTRACT

This study investigates the imperative of optimizing logistics service chains for the exported tra fish industry in the Mekong Delta (MD), a pivotal economic sector in Vietnam. Globalization and escalating market demands pose significant challenges to logistics efficiency. The current research gap lies in the absence of an integrated, comprehensive analysis of the prevailing situation and a synchronized strategic solution framework for the tra fish logistics value chain within the region. The primary objective is to analyze influencing factors, assess the current state, and propose effective logistics development solutions. Findings reveal inconsistencies in infrastructure, technology, and supply chain linkages, leading to elevated costs and diminished competitiveness. Proposed solutions emphasize infrastructure investment, technology adoption, enhanced collaboration, and policy refinement, aiming to boost efficiency and sustainability.

Key words: Logistics, Supply chain, Tra fish export, Mekong Delta, Optimization, Logistics efficiency, Sustainable development

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ, logistics và quản lý chuỗi cung ứng đã trở thành yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh của quốc gia và doanh nghiệp. Đối với các ngành xuất khẩu, một chuỗi logistics hiệu quả không chỉ giúp giảm chi phí, rút ngắn thời gian giao hàng mà còn bảo đảm chất lượng sản phẩm và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Việt Nam, với vị thế là một trong những quốc gia xuất khẩu nông sản và thủy sản hàng đầu, đang có cơ hội lớn để nâng

cao vị thế thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, để hiện thực hóa tiềm năng này, việc phát triển hệ thống logistics vững mạnh cho các mặt hàng chủ lực là yêu cầu cấp thiết.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lúa gạo và thủy sản trọng điểm, đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản của cả nước. Trong đó, cá da trơn, chủ yếu là cá tra, là mặt hàng xuất khẩu chiến lược, mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn và tạo sinh kế cho hàng triệu người dân. Kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam thường xuyên đạt hàng tỷ USD mỗi năm, đòi hỏi hệ thống logistics phải đáp ứng tốt yêu cầu về khối

lượng, chuỗi lạnh, vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Vì vậy, tối ưu hóa chuỗi dịch vụ logistics cho hàng cá da trơn xuất khẩu tại ĐBSCL có ý nghĩa kinh tế, xã hội và chiến lược quan trọng.

Các nghiên cứu trước đây đã đề cập đến hiệu quả vận tải, tối ưu hóa kho bãi, ứng dụng công nghệ thông tin, chi phí logistics và một số thách thức hạ tầng, chính sách tại ĐBSCL. Tuy nhiên, phần lớn còn mang tính cục bộ, tập trung vào từng khâu hoặc từng vấn đề riêng lẻ. Do đó, vẫn thiếu một nghiên cứu toàn diện và có hệ thống về phát triển chuỗi dịch vụ logistics hoàn chỉnh cho hàng

cá da trơn xuất khẩu tại ĐBSCL. Khoảng trống này đặc biệt quan trọng vì mặt hàng cá da trơn có yêu cầu riêng về bảo quản lạnh, trong khi ĐBSCL có đặc điểm địa lý, hạ tầng và xã hội đặc thù. Việc lấp đầy khoảng trống này sẽ góp phần đề xuất mô hình phân tích tích hợp và cung cấp cơ sở thực tiễn nhằm giảm chi phí logistics, ổn định chất lượng sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành cá da trơn Việt Nam trên thị trường quốc tế.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN

2.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu tối ưu hóa chuỗi dịch vụ logistics cho cá da trơn xuất khẩu tại Đồng bằng sông Cửu Long dựa trên hai lý thuyết cốt lõi: Quản lý Chuỗi Cung ứng (SCM) và Quản lý Logistics (LM). Hai lý thuyết này khác nhau về phạm vi nhưng bổ trợ hiệu quả trong phân tích hệ thống phức tạp. Quản lý Logistics hình thành từ thập niên 1950, phát triển mạnh vào những năm 1980, tập trung tối ưu dòng chảy vật chất và thông tin trong nội bộ doanh nghiệp. Các nội dung chính gồm tối ưu vận tải, quản lý tồn kho và mạng lưới kho bãi, nhằm đảm bảo hàng hóa di chuyển với chi phí thấp và dịch vụ cao. Lý thuyết này giả định khả năng dự báo nhu cầu và sự ổn định của các yếu tố đầu vào. Trước yêu cầu toàn cầu hóa, SCM ra đời từ thập niên 1990, mở rộng logistics ra toàn chuỗi từ nhà cung cấp đến người tiêu dùng. SCM nhấn mạnh tích hợp dòng vật chất, thông tin và tài chính, cùng với hợp tác và quản lý quan hệ giữa các tác nhân. Mục tiêu là tối ưu hiệu quả toàn hệ thống thay vì từng bộ phận riêng lẻ. Trong nghiên cứu này, LM hỗ trợ phân tích và tối ưu từng khâu như vận chuyển, kho lạnh, xử lý cảng, giúp định lượng chi phí ở cấp vi mô. SCM cung cấp góc nhìn tổng thể, giải thích sự liên kết giữa các tác nhân như người

nuôi, chế biến, logistics và xuất khẩu. SCM làm rõ tác động của sự thiếu phối hợp đến chi phí và chất lượng, đồng thời định hướng giải pháp tích hợp nhằm nâng cao hiệu quả toàn chuỗi và tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.

2.2. Các nghiên cứu liên quan đã công bố

Trong 5 năm gần đây, nhiều nghiên cứu đã tập trung vào logistics, chuỗi cung ứng và ngành thủy sản, nông sản tại Việt Nam, đặc biệt ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, phần lớn các công trình chỉ tiếp cận từng khía cạnh riêng lẻ, chưa có nghiên cứu toàn diện về chuỗi dịch vụ logistics cho cá da trơn xuất khẩu. Nguyễn Khắc Chương và Trần Thị Thu Trang (2022) đề xuất phát triển logistics cho trái cây xuất khẩu tại Tiền Giang, nhấn mạnh liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc, kho lạnh và vận tải đa phương thức. Nguyễn Thị Mai Phương và Trương Thanh Dũng (2021) phân tích chuỗi cung ứng cá tra, chỉ ra hạn chế về con giống, thức ăn, môi trường và liên kết tác nhân, đồng thời đề xuất cải thiện quản lý chất lượng. Lê Thị Thanh Thảo và Nguyễn Thị Kim Chi (2020) nghiên cứu tối ưu chi phí logistics thủy sản, tập trung vào vận tải, kho bãi và thủ tục hải quan. Trần Thị Mỹ Phượng và Nguyễn Thị Kim Loan (2019) làm rõ vai trò công nghệ thông tin như ERP, WMS và truy xuất nguồn gốc trong nâng cao hiệu quả chuỗi. Võ Thanh Thu (2018) phân tích hạ tầng logistics tại ĐBSCL, chỉ ra sự thiếu đồng bộ và đề xuất nâng cấp. Tổng hợp cho thấy các nghiên cứu đã đóng góp quan trọng nhưng vẫn tồn tại khoảng trống rõ rệt: thiếu một cách tiếp cận tích hợp cho toàn bộ chuỗi logistics cá da trơn xuất khẩu, từ nuôi trồng đến phân phối. Đặc thù của sản phẩm này đòi hỏi chuỗi lạnh nghiêm ngặt và kiểm soát chất lượng phức tạp, nhưng chưa được nghiên cứu đầy đủ. Nghiên cứu này nhằm lấp khoảng trống đó thông qua phân tích hệ thống và đề xuất giải pháp chiến lược cho toàn chuỗi.

3. THỰC TRẠNG CHUỖI DỊCH VỤ LOGISTICS PHỤC VỤ HÀNG CÁ DA TRƠN XUẤT KHẨU TẠI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.1. Thực trạng chuỗi dịch vụ logistics phục vụ hàng cá da trơn xuất khẩu tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn vừa qua

Ngành cá da trơn xuất khẩu tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã và đang đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và yêu cầu thị trường ngày càng cao. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu và tối ưu hóa chuỗi dịch vụ logistics được thể hiện rõ qua những áp lực về chi phí, chất lượng, thời gian giao hàng và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Mặc dù Việt Nam là quốc gia xuất khẩu cá tra hàng đầu, nhưng chi phí logistics vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (Bảng 1).

Giai đoạn 2019-2025, xuất khẩu cá da trơn Việt Nam biến động mạnh theo diễn biến thị trường và logistics quốc tế. Năm 2019 đạt khoảng 2 tỷ USD nhưng chịu áp lực từ căng thẳng thương mại và rào cản kỹ thuật tại các thị trường lớn. Giai đoạn 2020-2021, COVID-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng, gián đoạn sản xuất, thiếu container lạnh và đẩy chi phí vận tải tăng cao, khiến xuất khẩu suy giảm hoặc chỉ phục hồi chậm. Năm 2022, ngành phục hồi mạnh lên khoảng 2,44 tỷ USD nhờ nhu cầu tăng sau dịch, nhưng từ 2023 lại giảm do cầu thế giới yếu, tồn kho cao và chi phí logistics lớn. Đến 2024-2025, xuất khẩu phục hồi lên khoảng 2-2,2 tỷ USD, dù vẫn chịu tác động của địa chính trị, thuế quan và cước vận tải. (Bảng 2).

Hiệu quả chuỗi logistics cá da trơn tại Đồng bằng sông Cửu Long hiện chịu chi phối chủ yếu bởi bốn nhóm nhân tố trọng yếu, gồm chi phí logistics, chất lượng hạ tầng

Bảng 1: Xuất khẩu cá da trơn Việt Nam và diễn biến logistics giai đoạn 2019-2025

Năm	Kim ngạch xuất khẩu cá tra (tỷ USD)	Tăng trưởng so với năm trước	Diễn biến/logistics nổi bật ảnh hưởng chuỗi cung ứng
2019	2,00	Giảm so với 2018	Căng thẳng thương mại quốc tế, nhu cầu tại một số thị trường lớn biến động, áp lực giá xuất khẩu và chi phí logistics.
2020	1,54	-23% đến -26%	COVID-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng, giảm nhu cầu tại Mỹ và EU, cước vận tải biển tăng mạnh, ảnh hưởng xuất khẩu sang thị trường xa.
2021	1,54-1,61	Tăng nhẹ	Đợt dịch COVID-19 trong nước, phong tỏa và gián đoạn sản xuất quý III/2021, ảnh hưởng mạnh đến chế biến, vận chuyển và giao hàng.
2022	2,44	+51%	Ngành phục hồi mạnh sau dịch, nhu cầu tại Trung Quốc và Mỹ tăng, nhưng nửa cuối năm chịu tác động của lạm phát và suy giảm cầu ở các thị trường nhập khẩu.
2023	Hơn 1,8	-25%	Nhu cầu thế giới suy yếu, tồn kho cao tại các thị trường lớn, xuất khẩu khó khăn dù cuối năm có tín hiệu phục hồi.
2024	2,0	Tăng so với 2023	Thị trường dần phục hồi nhưng vẫn chịu áp lực từ biến động địa chính trị, chiến tranh, cước vận tải, thuế và yêu cầu thị trường ngày càng cao.
2025	Gần 2,2	+8%	Xuất khẩu tiếp tục tăng trong bối cảnh nhiều biến động; một số thị trường tăng trưởng tích cực nhưng thị trường Mỹ chịu tác động từ chính sách thuế đối ứng, ảnh hưởng sức cạnh tranh giá.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các nguồn chính VASEP, Bộ Công Thương, Tổng Cục Hải Quan và các báo ngành.

Bảng 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chuỗi logistics cá da trơn tại ĐBSCL

Nhóm yếu tố	Yếu tố cụ thể	Mức độ ảnh hưởng	Tác động đến hiệu quả chuỗi logistics cá da trơn tại ĐBSCL
Hạ tầng logistics	Kho lạnh, trung tâm logistics lạnh, điểm gom hàng	Rất cao	Thiếu đồng bộ kho lạnh và hạ tầng hậu cần lạnh làm tăng tổn thất sau thu hoạch, giảm ổn định chất lượng và làm chi phí bảo quản tăng.
Vận tải và kết nối	Kết nối vùng nuôi/chế biến đến cảng biển; phụ thuộc đường bộ; khai thác đường thủy nội địa	Rất cao	Kết nối chưa tối ưu làm kéo dài thời gian vận chuyển, tăng rủi ro đứt gãy chuỗi lạnh và làm chi phí logistics cao hơn.
Chi phí logistics	Cước container lạnh, phụ phí nhiên liệu, phụ phí rủi ro, chi phí nội địa	Rất cao	Chi phí logistics cao trực tiếp bào mòn biên lợi nhuận và làm giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu.
Chuỗi lạnh và kiểm soát chất lượng	Duy trì nhiệt độ, thời gian vận chuyển, giám sát chất lượng	Rất cao	Gián đoạn nhiệt độ hoặc chậm trễ vận tải có thể làm giảm chất lượng sản phẩm, tăng hao hụt và ảnh hưởng khả năng đáp ứng tiêu chuẩn nhập khẩu.
Năng lực số hóa	Truy xuất nguồn gốc, quản trị tồn kho, kiểm soát nhiệt độ, chia sẻ dữ liệu	Cao	Số hóa giúp tăng minh bạch, theo dõi lô hàng, quản lý tồn kho và cảnh báo rủi ro sớm trong toàn chuỗi.
Tổ chức chuỗi cung ứng	Liên kết vùng nuôi, nhà máy chế biến, kho, đơn vị vận tải, hãng tàu	Cao	Liên kết yếu làm tăng thời gian chờ, chi phí trung gian và thiếu đồng bộ kế hoạch giao nhận.
Thị trường và địa chính trị	Biến Đò, chiến sự, chính sách nhập khẩu, thuế quan, nhu cầu thị trường	Cao	Các cú sốc bên ngoài làm thay đổi tuyến vận tải, kéo dài thời gian vận chuyển và tăng chi phí bảo hiểm, cước tàu.
Nguồn hàng và sản xuất	Tính ổn định vùng nuôi, sản lượng nguyên liệu, lịch thu hoạch	Cao	Nguồn hàng không ổn định làm kế hoạch vận tải, kho lạnh và chế biến bị động, giảm hiệu suất sử dụng tài sản logistics.
Môi trường tự nhiên	Ngập lụt, xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu	Trung bình-cao	Biến đổi khí hậu tại ĐBSCL làm gia tăng rủi ro cho hạ tầng, vùng nuôi và dòng chảy hàng hóa.
Chính sách và quy hoạch	Quy hoạch logistics vùng, đầu tư hạ tầng, chính sách hỗ trợ chuỗi lạnh	Cao	Quy hoạch và đầu tư công quyết định khả năng hình thành mạng logistics lạnh, kết nối đa phương thức và năng lực cạnh tranh dài hạn.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các nguồn chuyên ngành về logistics thủy sản, chuỗi cung ứng lạnh và xuất khẩu thủy sản tại ĐBSCL.

chuỗi lạnh, mức độ kết nối vận tải với cảng biển và năng lực liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi cung ứng. Trong ngắn hạn, hai điểm nghẽn nổi bật nhất là chi phí vận chuyển ở mức cao và sự thiếu

đồng bộ của hệ thống kho lạnh, bảo quản và trung chuyển, làm gia tăng tổn thất và giảm tính cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu. Về dài hạn, hiệu quả chuỗi phụ thuộc nhiều hơn vào chất lượng quy

hoạch logistics vùng, mức độ ứng dụng số hóa trong quản trị chuỗi lạnh, cũng như khả năng thích ứng của doanh nghiệp trước các rủi ro địa chính trị và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

3.2. Đánh giá thực trạng chuỗi dịch vụ logistics phục vụ hàng cá da trơn xuất khẩu tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn vừa qua

3.2.1. Ưu điểm

Trong những năm gần đây, chuỗi dịch vụ logistics phục vụ hàng cá da trơn xuất khẩu tại Đồng bằng sông Cửu Long đã có bước cải thiện rõ rệt. Năng lực chế biến, bảo quản lạnh và tổ chức giao hàng của nhiều doanh nghiệp từng bước được nâng lên, góp phần duy trì dòng hàng xuất khẩu tương đối ổn định ngay cả trong bối cảnh thị trường quốc tế biến động. Mạng lưới doanh nghiệp chế biến, vùng nuôi nguyên liệu và các đơn vị vận tải đã hình thành sự liên kết nhất định, tạo điều kiện cho quá trình thu mua, sơ chế, lưu kho và xuất khẩu diễn ra thuận lợi hơn trước. Bên cạnh đó, việc mở rộng thị trường xuất khẩu và gia tăng yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng cũng đã thúc đẩy doanh nghiệp chú trọng hơn đến truy xuất nguồn gốc, kiểm soát nhiệt độ và quản trị thời gian giao hàng.

3.2.2. Nhược điểm

Tuy nhiên, chuỗi logistics cá da trơn tại khu vực này vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Chi phí logistics còn cao, nhất là chi phí vận tải container lạnh, lưu kho và trung chuyển, làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm. Hạ tầng logistics lạnh chưa đồng bộ, kết nối từ vùng nuôi đến nhà máy, cảng biển và trung tâm logistics còn thiếu hiệu quả. Sự phụ thuộc lớn vào vận tải đường bộ và các cảng ngoài vùng khiến thời gian giao hàng kéo dài, gia tăng rủi ro gián đoạn chuỗi lạnh. Ngoài ra, liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi vẫn chưa chặt chẽ, chia sẻ thông tin còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả phối hợp chưa cao.

3.2.3. Nguyên nhân

Những tồn tại trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan, đặc điểm địa lý phân tán, hạ tầng giao thông và logistics vùng chưa theo kịp nhu

cầu phát triển, trong khi thị trường quốc tế thường xuyên biến động. Về chủ quan, nhiều doanh nghiệp còn hạn chế về năng lực tài chính, trình độ quản trị logistics và mức độ ứng dụng công nghệ số. Đồng thời, quy hoạch logistics vùng và cơ chế liên kết chuỗi chưa đủ mạnh để tạo ra một hệ thống dịch vụ đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TỐI ƯU HÓA CHUỖI DỊCH VỤ LOGISTICS PHỤC VỤ HÀNG CÁ DA TRƠN XUẤT KHẨU TẠI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Từ những phân tích ở trên, nhóm tác giả đề xuất 03 nhóm giải pháp trên cơ sở xem xét chính sách quốc gia trong phát triển giao thông, hạ tầng logistics và môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế:

Nhóm giải pháp hoàn thiện hạ tầng logistics và chuỗi lạnh chuyên dụng cho hàng cá da trơn. Giải pháp trọng tâm đầu tiên là nâng cấp đồng bộ hạ tầng logistics phục vụ riêng cho chuỗi cá da trơn xuất khẩu tại Đồng bằng sông Cửu Long. Đặc thù của mặt hàng này là yêu cầu nghiêm ngặt về nhiệt độ, thời gian lưu chuyển và điều kiện bảo quản, do đó hiệu quả logistics phụ thuộc rất lớn vào chất lượng chuỗi lạnh. Trước hết, cần ưu tiên phát triển hệ thống kho lạnh, điểm gom hàng, trung tâm trung chuyển và các cơ sở kiểm định chất lượng ngay tại vùng nguyên liệu và khu vực chế biến tập trung. Việc hình thành các trung tâm logistics lạnh chuyên biệt sẽ giúp rút ngắn thời gian vận chuyển, giảm hao hụt sau thu hoạch và hạn chế rủi ro đứt gãy chuỗi lạnh. Song song đó, cần tăng cường kết nối đa phương thức giữa đường bộ, đường thủy nội địa và cảng biển nhằm giảm áp lực cho vận tải đường bộ, vốn đang làm chi phí logistics tăng cao. Đối với ĐBSCL, vận tải thủy nội địa cần được khai thác hiệu quả hơn trong việc đưa hàng từ vùng nuôi, nhà máy chế biến đến các cảng đầu mối. Ngoài ra, việc đầu

tư phương tiện vận tải lạnh chuyên dụng, container lạnh chất lượng cao và hệ thống giám sát nhiệt độ trong quá trình vận chuyển là điều kiện cần để đảm bảo chất lượng hàng xuất khẩu ổn định.

Nhóm giải pháp tăng cường liên kết chuỗi và nâng cao năng lực quản trị logistics của doanh nghiệp. Giải pháp thứ hai là củng cố mối liên kết giữa các tác nhân trong toàn bộ chuỗi dịch vụ logistics, từ hộ nuôi, doanh nghiệp chế biến, đơn vị kho lạnh, doanh nghiệp vận tải, hãng tàu đến nhà xuất khẩu. Thực tế cho thấy hiệu quả chuỗi cá da trơn không chỉ phụ thuộc vào từng khâu riêng lẻ mà phụ thuộc vào mức độ phối hợp đồng bộ giữa các khâu. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế hợp tác chặt chẽ hơn theo mô hình chuỗi liên kết, trong đó chia sẻ thông tin về sản lượng, lịch thu hoạch, nhu cầu vận chuyển, lịch tàu và tiêu chuẩn thị trường phải được thực hiện thường xuyên, minh bạch. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần nâng cao năng lực quản trị logistics theo hướng chuyên nghiệp hơn. Điều này bao gồm khả năng lập kế hoạch vận tải, quản trị tồn kho lạnh, kiểm soát chi phí, quản lý rủi ro và tổ chức giao hàng đúng thời hạn. Các doanh nghiệp xuất khẩu cá da trơn cũng cần chuyển từ tư duy thuê dịch vụ riêng lẻ sang tư duy quản trị chuỗi tổng thể, trong đó logistics được xem là một cấu phần chiến lược tạo ra giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh. Đồng thời, nguồn nhân lực logistics trong ngành thủy sản cần được đào tạo chuyên sâu hơn về chuỗi lạnh, tiêu chuẩn xuất khẩu, bảo quản hàng đông lạnh và xử lý sự cố trong vận hành quốc tế.

Nhóm giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, hoàn thiện chính sách hỗ trợ và tăng khả năng thích ứng thị trường. Giải pháp thứ ba là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ chuỗi logistics cá da trơn. Doanh nghiệp cần áp dụng các hệ thống quản trị hiện đại như ERP, phần mềm quản lý kho lạnh, nền tảng theo dõi vận chuyển theo thời gian thực, công

nghe cảm biến nhiệt độ và truy xuất nguồn gốc điện tử. Chuyển đổi số sẽ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn chất lượng hàng hóa, giảm sai lệch thông tin, tăng khả năng dự báo và nâng cao tính minh bạch đối với khách hàng nhập khẩu. Đây cũng là cơ sở để đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm và phát triển bền vững. Về phía quản lý nhà nước, cần hoàn thiện quy hoạch logistics vùng theo hướng gắn kết chặt chẽ với quy hoạch vùng nuôi, vùng chế biến và hệ thống cảng. Đồng thời, cần có chính sách tín dụng ưu đãi cho đầu tư kho lạnh, phương tiện lạnh, công nghệ số và các trung

tâm logistics chuyên ngành thủy sản. Ngoài ra, trong bối cảnh thị trường thế giới biến động, doanh nghiệp cần nâng cao khả năng thích ứng thông qua đa dạng hóa tuyến vận tải, thị trường xuất khẩu và đối tác logistics. Việc kết hợp giữa đầu tư hạ tầng, quản trị hiện đại và chính sách hỗ trợ phù hợp sẽ là nền tảng để tối ưu hóa chuỗi dịch vụ logistics cho hàng cá da trơn xuất khẩu tại ĐBSCL theo hướng hiệu quả, bền vững và cạnh tranh hơn.

5. KẾT LUẬN

Bài viết cho thấy tối ưu hóa chuỗi dịch vụ logistics phục vụ hàng cá

da trơn xuất khẩu tại Đồng bằng sông Cửu Long là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành trong bối cảnh thị trường quốc tế biến động mạnh. Thực trạng hiện nay cho thấy chuỗi logistics đã có những cải thiện nhất định nhưng vẫn tồn tại nhiều điểm nghẽn về hạ tầng, chi phí, liên kết chuỗi và năng lực quản trị. Vì vậy, việc triển khai đồng bộ các giải pháp về hạ tầng logistics lạnh, liên kết chuỗi, chuyển đổi số và chính sách hỗ trợ sẽ góp phần giảm chi phí, ổn định chất lượng và thúc đẩy phát triển bền vững cho ngành cá da trơn xuất khẩu. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương. (2023). Bản tin thị trường nông, lâm, thủy sản: Tổng kết quý IV/2023. https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/B_n_tin_Th_tr_ng_NLTS_T_ng_k_t_Qu_IV_ra_ng_y_29_12_2023_2ddd6.pdf
2. Bộ Công Thương. (2024, February 7). Tăng cường kết nối logistics thúc đẩy tiêu thụ, xuất khẩu nông lâm thủy sản. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/tang-cuong-ket-noi-logistics-thuc-day-tieu-thu-xuat-khau-nong-lam-thuy-san.html>
3. Chu Thị Huệ, Bùi Tiến Thịnh, Vòng Thịnh Nam, & Nguyễn Hoàng Anh Vũ. (2026). Phát triển chuỗi cung ứng lạnh để nâng cao giá trị thủy sản tại Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu Kinh tế - Tài chính Online. <https://nghiencuu.tapchikinhtetaichinh.vn/phan-trien-chuoi-cung-ung-lanh-de-nang-cao-gia-tri-thuy-san-tai-dong-bang-song-cuu-long-149413.html>
4. Cooper, M. C., Lambert, D. M., & Pagh, J. D. (1997). Supply chain management: More than a new name for logistics. *The International Journal of Logistics Management*, 8(1), 1-14.
5. Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương. (2024). Báo cáo Logistics Việt Nam 2024: Khu thương mại tự do. <https://valoma.vn/wp-content/uploads/2024/12/Sach-Bao-cao-Logistics-2024-full-ngay-7-12.pdf>
6. Drucker, P. F. (1962, April). The economy's dark continent. *Fortune*, 65(4), 103-104, 265, 268, 270.
7. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam. (2020, January 25). Xuất khẩu cá tra năm 2019 đạt 2 tỷ USD. <https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/ca-tra/xuat-nhap-khau-xuat-khau-ca-tra-nam-2019-dat-2-ty-usd-9580.html>
8. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam. (2023, January 30). Infographic: Xuất khẩu cá tra Việt Nam năm 2022. <https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/infographic/infographic-xuat-khau-ca-tra-viet-nam-nam-2022-26165.html>
9. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam. (2024, January 25). Infographic: Xuất khẩu cá tra năm 2023. <https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/infographic/infographic-xuat-khau-ca-tra-nam-2023-29789.html>

vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/infographic/infographic-xuat-khau-ca-tra-nam-2023-29789.html

10. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam. (2025, January 20). Infographic: Xuất khẩu cá tra Việt Nam năm 2024. <https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/infographic/infographic-xuat-khau-ca-tra-viet-nam-nam-2024-32603.html>
11. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam. (2025, December 26). Tây Ninh khánh thành Trung tâm Logistics đa dịch vụ - nền tảng kết nối từ kho lưu trữ lạnh, kho ngoại quan lạnh đến cảng biển quốc tế. <https://vasep.com.vn/thong-bao/tay-ninh-khanh-thanh-trung-tam-logistics-da-dich-vu-nen-tang-ket-noi-tu-kho-luu-tru-lanh-kho-ngoai-quan-lanh-den-cang-bien-quoc-te-35684.html>
12. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam. (2026, January 21). Infographic: Xuất khẩu cá tra Việt Nam 2025. <https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/infographic/infographic-xuat-khau-ca-tra-viet-nam-2025-35819.html>
13. Lê Thị Thanh Thảo, & Nguyễn Thị Kim Chi. (2020). Tối ưu hóa chi phí logistics cho ngành thủy sản xuất khẩu Việt Nam. [Thiếu thông tin nguồn xuất bản trong bản thảo].
14. Nguyễn Khắc Chương, & Trần Thị Thu Trang. (2022). Nghiên cứu phát triển dịch vụ logistics cho trái cây xuất khẩu tại tỉnh Tiền Giang. [Thiếu thông tin nguồn xuất bản trong bản thảo].
15. Nguyễn Thị Mai Phương, & Trương Thanh Dũng. (2021). Phát triển chuỗi cung ứng cá tra xuất khẩu tại Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp. [Thiếu thông tin nguồn xuất bản trong bản thảo].
16. Nông nghiệp và Môi trường. (2025, June 12). Hạ tầng logistics thủy sản: Nền tảng bứt phá cạnh tranh toàn cầu. <https://nongnghiepmoitruong.vn/ha-tang-logistics-thuy-san-nen-tang-but-pha-canhh-tranh-toan-cau-d757482.html>
17. Tổng cục Hải quan. (n.d.). Thống kê hải quan. <https://www.customs.gov.vn/index.jsp?pageld=3521>